TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH T HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH T HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần T Tùng;
2. Ông Lê Dũng Tấn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH1.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh TH1, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ L số: 206/2022/TLST - HNGĐ ngày 10/11/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Xóm 1, xã TP, huyện TH, tỉnh TH1; Chị L có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Anh Cao Xuân T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm 1, xã TP, huyện TH, tỉnh TH1. Anh T có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện: Ông Cao Xuân T1, sinh năm 1955; Địa chỉ: Xóm 1, xã TP, huyện TH, tỉnh TH1. Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Xuân T1: Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm 2, xã TP, huyện TH, tỉnh TH1. Ông T có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị T2 – Trợ giúp viên pháp L nhà nước tỉnh TH1. Bà T2 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2022, bản tự khai ngày 19/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Cao Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân

xã TP, huyện TH, tỉnh TH1; Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau 04 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn sảy ra cãi vã, chửi bới nhau, dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc, vì con cái chị L đã cố gắng chịu đựng, đến đầu năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân; Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị được ly hôn anh Cao Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên các cháu là Cao Anh Tuấn, sinh ngày 23/4/2010 và Cao Nhất Anh, sinh ngày 07/12/2012. Ly hôn nguyện vọng của chị L xin được nuôi cháu Anh, anh T nuôi cháu Tuấn hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, Tại phiên Tòa chị L yêu cầu nếu anh T và gia đình không nuôi được cháu Cao Anh Tuấn thì chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/11/2022, tại phiên tòa bị đơn là anh Cao Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Cao Xuân T và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TH, tỉnh TH1; Quá trình sinh sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, chỉ khi có mâu thuẫn trong việc chia đất đai làm nhà thì hay cãi nhau, chị L không ở cùng gia đình từ tháng 3 năm 2022; Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên các cháu là Cao Anh Tuấn, sinh ngày 23/4/2010 và Cao Nhất Anh, sinh ngày 07/12/2012; Nếu ly hôn anh T yêu cầu giao 02 con cho chị L nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chùng chị L.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì.

Ý kiến ông Cao Xuân T1 (Là bố đẻ của anh T) người đại diện theo ủy quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Cao Xuân T và ông Đỗ Xuân T tại phiên họp có ý kiến: Để đảm bảo quyền lợi cho anh T đề nghị chị L xem xét lại trở về đoàn tụ nuôi dạy con cái, hiện tại anh T đang hưởng chế độ bảo trợ hàng tháng, do nói ngọng. Nếu phải ly hôn gia đình và anh T mong muốn Tòa án giao 02 con chung cho cháu T nuôi dưỡng gia đình sẽ hỗ trợ trong việc chăm sóc nuôi dạy các cháu; tại phiên Tòa đề nghị: Do anh T đang hưởng trợ cấp xã hội, gia đình cũng khó khăn, không đủ điều kiện hỗ trợ anh T nuôi con chung nên đề nghị nếu phải ly hôn giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng.

Trợ giúp viên pháp L Bà Hoàng Thị T2 cùng quan điểm của ông Nguyễn Xuân T, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định để đảm bảo quyền lợi của anh T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc T theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ L giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản

1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa anh chị L và anh T, về giao nuôi con: Giao chị L nuôi dưỡng 02 con chung là Cao Anh Tuấn, sinh ngày 23/4/2010 và Cao Nhất Anh, sinh ngày 07/12/2012, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là phù hợp; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Anh Cao Xuân T và chị Lê Thị L có nơi đăng ký hộ khẩu trường trú tại huyện TH vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T là đối tượng hưởng trợ cấp xã hội, nói chậm, nói ngọng, nên Tòa án cử người đại diện cho anh T tham gia tố tụng và có Trợ giúp viên pháp L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T là đúng quy định.

[2]. Về hôn nhân: Anh Cao Xuân T và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn theo như chị L và anh T thừa nhận là hay cãi cọ, cuộc sống vợ chồng khi ở chung với gia đình nhà chồng cũng có mâu thuẫn trong việc sang tên chuyển nhượng đất cho vợ chồng anh T và chị L, hai bên đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 chị L về bên ngoại ở; Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có thời gian dài để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn; Thời gian dài hai bên gia đình cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để níu kéo hôn nhân, hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ lâu; Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có mâu thuẫn, hiện tại mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị L và anh T khai vợ chồng có 02 con chung Cao Anh Tuấn, sinh ngày 23/4/2010 và Cao Nhất Anh, sinh ngày 07/12/2012, chị L xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Cao Anh Tuấn, sinh ngày 23/4/2010 và Cao Nhất Anh, sinh ngày 07/12/2012 có ghi họ tên bố là anh Cao Xuân T, họ tên mẹ là chị Lê Thị L, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Cao Anh Tuấn, sinh ngày 23/4/2010 và Cao Nhất Anh sinh ngày 07/12/2012 là con chung của chị L và anh T.

Tại phiên tòa anh T và đại diện gia đình cho rằng do kinh tế và đang hưởng trợ cấp xã hội nên đề nghị không nuôi con chung, giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, đại diện gia đình anh T cũng đồng ý, ý kiến của anh T nếu

vợ chồng phải ly hôn; Chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, đây là sự tự nguyện của chị L, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên đương sự nên giao cháu Cao Anh Tuấn và Cao Nhất Anh cho chị L nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là phù hợp đảm bảo quyền lợi của các bên và khả năng về điều kiện vật chất nuôi dạy con cái của chị L và anh T.

[4]. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Cao Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Cao Anh Tuấn, sinh ngày 23/4/2010 và Cao Nhất Anh, sinh ngày 07/12/2012 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2021/0006046 ngày 10/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị L, anh T, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh TH1;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần T Tùng **Lê Dũng Tấn** **Hoàng Văn Đạt**